

# Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành vào công việc thực tế của sinh viên chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Đặng Thị Thúy Hằng\*, Đỗ Thành Luân, Vũ Thị Minh Phương, Chu Tuấn Vũ

*Theo một số nghiên cứu gần đây thì để hội nhập với quốc tế, nước ta cần một số lượng không nhỏ những người hành nghề kế toán, kiểm toán có trình độ cao về chuyên môn, khả năng sử dụng Tiếng Anh và tin học tốt, cùng với các kỹ năng mềm khác. Chính vì vậy, để góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán nói chung và sinh viên Viện Kế toán – Kiểm toán thuộc trường Đại học Kinh tế Quốc dân nói riêng, nhóm chúng tôi đã tiến hành khảo sát, đánh giá khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn của sinh viên tốt nghiệp ngành kế toán, kiểm toán của Trường. Với việc kết hợp cả phương pháp định tính với định lượng, nghiên cứu đã xây dựng được một hệ thống các tiêu chí đánh giá; tìm ra được những khả năng vượt trội cũng như những điểm còn hạn chế; và mối liên hệ giữa khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế với thâm niên công tác của sinh viên ngành kế toán, kiểm toán của Viện. Trên cơ sở đó, các tác giả đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các sinh viên này cả trên thị trường lao động trong nước và quốc tế.*

**Từ khóa:** Đào tạo; Khả năng; Kế toán; Kiểm toán; Kỹ năng.

## 1. Giới thiệu

Nền kinh tế thế giới đang chuyển dịch theo hướng toàn cầu hóa, mang đến cho Việt Nam không chỉ cơ hội mà còn cả những thách thức cho sự phát triển kinh tế. Để phát triển kinh tế thì chất lượng nguồn nhân lực được xem như chìa khóa cho sự thành công. Theo Phạm Thị Huyền (2009), giáo dục là tấm gương phản ánh tương lai của một dân tộc và giáo dục đại học phản ánh thực tế khả năng cạnh tranh của một quốc gia về nguồn nhân lực trong hiện tại. Như vậy, muốn có nguồn nhân lực chất lượng cao và có khả năng cạnh tranh trong khu vực và thế giới, đòi hỏi chúng ta phải từng bước đổi mới đào tạo đại học.

Tuy nhiên, sinh viên đại học sau khi ra trường vẫn không chắc chắn có một vị trí trong xã hội chưa kể là vị trí làm việc đúng với ngành nghề, phù hợp với năng lực đã được đào tạo. Theo điều tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2011, cả nước có 63%

sinh viên ra trường thất nghiệp, số còn lại có việc thì đa số phải đào tạo lại đặc biệt trong các ngành nghề thuộc lĩnh vực kinh tế, trong số đó lại chỉ có một phần thích ứng được và tiếp tục theo đuổi ngành nghề đã lựa chọn ngay từ đầu. Theo xu hướng phát triển của xã hội thì các nhà tuyển dụng đang ngày càng đưa ra nhiều yêu cầu hơn đối với các ứng cử viên xin việc, không chỉ đơn thuần là về mặt năng lực, hiểu biết, kỹ năng mà còn về thái độ làm việc và đạo đức nghề nghiệp.

Chính vì vậy, sinh viên mới tốt nghiệp ra trường để đáp ứng được yêu cầu công việc của nhà tuyển dụng thường phải mất từ 6 tháng đến 1 năm cho việc đào tạo lại về khả năng thực hành, ngoại ngữ, máy tính, kỹ năng giao tiếp, kỷ luật làm việc,...(Phạm Thị Huyền, 2009). Điều này gây lãng phí công sức và thời gian học tập của bản thân sinh viên, tiền bạc của gia đình cũng như chi phí đào tạo lại của các đơn vị tuyển dụng, gây lãng phí cho toàn xã hội. Để giải quyết vấn đề này đòi hỏi phải có sự kết hợp chặt

chê giữa 3 bên: nhà trường (cơ sở đào tạo), người học và tổ chức sử dụng lao động.

Từ những bất cập và cấp thiết của vấn đề được trình bày ở trên, nhóm nghiên cứu đã quyết định tìm hiểu một khía cạnh của vấn đề đào tạo và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực cho ngành kinh tế ở góc độ đối với sinh viên ngành Kế toán – Kiểm toán, một ngành đang rất cần nguồn nhân lực với chất lượng cao trong những năm gần đây. Theo ông Đặng Văn Thanh – Chủ tịch Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam - “mỗi năm [Việt Nam] cần hàng vạn kế toán viên và kiểm toán viên” (Nguyễn Hiếu, 2011). “Trong các cuộc khảo sát của ACCA, 63% người được hỏi trong lĩnh vực kế toán tin rằng nhu cầu về kế toán viên trình độ cao sẽ tăng trong vòng 5 năm tới”, ông Rhys Johnson – Giám đốc Giáo dục của ACCA khu vực Châu Á Thái Bình Dương- đã nói trong Hội thảo “Đổi mới công tác đào tạo kế toán, kiểm toán ở bậc đại học tại Việt Nam” tổ chức vào năm 2011 tại Hà Nội (Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính, 2011). Mặc dù vậy, theo ông Đặng Văn Thanh, các công ty và tập đoàn lớn vẫn rất khó khăn trong công cuộc săn tìm kế toán trưởng và giám đốc tài chính do thiếu nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán có chất lượng cao (Nguyễn Hiếu, 2011). Cũng theo kết quả khảo sát của NavigosSearch năm 2011 - công ty tuyển dụng nhân sự có kinh nghiệm tại Việt Nam - có tới 80% sinh viên mới ra trường ở Việt Nam chỉ tự tin khi làm việc tại các doanh nghiệp trong nước nhưng chưa sẵn sàng làm cho công ty nước ngoài; 66,7% trong số họ đang làm việc chủ yếu dựa vào kinh nghiệm; và chỉ có 17,4% nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán làm ở vị trí quản lý (Nguyễn Hiếu, 2011).

Bên cạnh đó, sinh viên khối chuyên ngành kế toán, kiểm toán sau khi ra trường vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. Theo một số khảo sát gần đây, có đến 70% người được hỏi trả lời rằng chưa thể nắm bắt được ngay công việc mà cần được đào tạo và hướng dẫn lại; 80% trong số họ cho rằng chương trình đào tạo ngành kế toán còn nặng về lý thuyết; 50% thấy rằng khối lượng kiến thức chuyên môn lĩnh hội được còn ít (Nguyễn Thị Hương Liên, 2011). Theo Phan Trung Kiên (2011), kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kế toán tại các trường cao đẳng, đại học khối kinh tế đang làm việc tại các công ty kiểm toán, doanh nghiệp có quy mô

lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cho thấy 91% người trả lời kỹ năng chuyên môn chủ yếu được học lý thuyết, thực hành phần mềm kế toán rất ít. Ngoài ra, kỹ năng giao tiếp, sự am hiểu về các vấn đề xã hội, toàn cầu hóa,... của sinh viên kế toán, kiểm toán còn hạn chế. Điều này có ảnh hưởng rất lớn đến khả năng hội nhập kế toán, kiểm toán với khu vực và thế giới.

Với mong muốn (1) tìm hiểu mối quan hệ giữa kiến thức lý thuyết được giảng dạy trên ghế nhà trường và thực tế công việc Kế toán – Kiểm toán mà sinh viên chuyên ngành phải làm việc sau khi ra trường; (2) tìm hiểu thực trạng về mức độ vận dụng kiến thức vào công việc của thực tập sinh viên Kế toán - Kiểm toán; (3) xác định được nhân tố chính tác động đến mức độ vận dụng kiến thức chuyên môn vào công việc hiện tại; (4) đánh giá mức độ vận dụng kiến thức chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán vào công việc thực tế đang làm; từ đó, (5) đưa ra các gợi ý đến việc cải thiện chương trình học tập, môi trường học tập và cung cấp thông tin nhằm nâng cao chất lượng trong công tác giảng dạy của giảng viên, công tác quản lý của nhà trường và cách thức nắm bắt kiến thức của sinh viên để vận dụng vào thực tế cho phù hợp với yêu cầu mà xã hội đang đòi hỏi; từ đó, góp phần rút ngắn khoảng cách kỳ vọng của xã hội và thực tế. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành thực hiện nghiên cứu khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn vào công việc thực tế của sinh viên chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán của trường Đại học Kinh tế Quốc dân (KTQD) – một trường đầu ngành trong khối các trường đào tạo về Kinh tế nói chung cũng như đào tạo về Kế toán - Kiểm toán nói riêng.

Nghiên cứu bao gồm các nội dung chính sau: (1) Giới thiệu Chuẩn đầu ra chuyên ngành kế toán của quốc tế và trong nước; (2) Phương pháp nghiên cứu; (3) Kết quả và thảo luận; (4) Khuyến nghị và Kết luận.

## **2. Giới thiệu Chuẩn đầu ra chuyên ngành kế toán của quốc tế và trong nước**

### **2.1. Chuẩn đầu ra theo quốc tế**

Theo các Chuẩn mực giáo dục quốc tế đối với kế toán viên chuyên nghiệp (International Education Standards for Professional Accountants) do Liên đoàn kế toán quốc tế (The International Federation of Accountants – IFAC) ban hành năm 2010 thì một

kế toán viên muốn trở thành hội viên của Liên đoàn phải tích lũy được những kiến thức cần thiết để trở thành một kế toán viên chuyên nghiệp từ Chương trình đào tạo kế toán viên chuyên nghiệp (Chuẩn mực giáo dục số 02 – IES2); ngoài ra, các kỹ năng chuyên môn và nội dung đào tạo chung, đạo đức nghề nghiệp, thái độ làm việc, và các yêu cầu liên quan đến kinh nghiệm làm việc cũng được trình bày ở các chuẩn mực: IES3 – Các kỹ năng chuyên môn và nội dung đào tạo chung, IES4 – Các giá trị chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và thái độ làm việc, và IES5 – Các yêu cầu về kinh nghiệm làm việc.

Theo IES2 (2010), để có được các kiến thức chuyên môn về kế toán thì đòi hỏi người học phải tham gia khóa học *full-time* ít nhất là 2 năm hoặc một khóa học *part-time* tương ứng. Để có được các kiến thức này, người học có thể theo học đại học về chuyên ngành kế toán hoặc nếu không phải chuyên ngành kế toán thì phải tham gia học bổ sung các kiến thức chuyên ngành. Một chương trình đào tạo kế toán chuyên nghiệp thông thường bao gồm 2 năm học kiến thức chung (*general studies*) và ít nhất là 2 năm nữa học các môn học về kế toán (*accounting studies*). Muốn trở thành một kế toán viên chuyên nghiệp, người học phải hoàn thành khối lượng kiến thức sau:

- (a) Kiến thức về Kế toán, Tài chính và các vấn đề liên quan;
- (b) Kiến thức về Tổ chức và Kinh doanh;
- (c) Kiến thức về Công nghệ thông tin và năng lực.

#### 2.1.1. Kiến thức về Kế toán, Tài chính và các vấn đề liên quan

Phần này cung cấp nền tảng cốt lõi thiết yếu cho sự nghiệp của một kế toán chuyên nghiệp. Người học sẽ được trang bị cơ sở lý thuyết cần thiết và kiến thức về kỹ năng làm kế toán, cũng như hiểu được giá trị chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. Cụ thể, người học sẽ phải nắm được các nội dung sau:

- Lịch sử và các học thuyết kế toán;
- Nội dung, khái niệm, kết cấu và ý nghĩa của báo cáo về các hoạt động của một tổ chức được sử dụng trong việc đưa ra các quyết định của cả các đối tượng bên trong cũng như bên ngoài tổ chức;
- Các chuẩn mực quốc gia và quốc tế về kế toán,

kiểm toán; Quy định về kế toán;

- Kế toán quản trị, bao gồm lập kế hoạch và lập ngân sách, chi phí quản lý, kiểm soát chất lượng, đo lường hiệu quả kinh doanh; Các khái niệm, phương pháp và quy trình kiểm soát cung cấp cho tính chính xác và toàn vẹn của dữ liệu tài chính và bảo vệ tài sản của doanh nghiệp;

- Hiểu biết về môi trường luật pháp về kinh doanh; Thuế và tác động của nó trên các quyết định tài chính và quản lý;

- Bản chất của kiểm toán và các dịch vụ khác, bao gồm đánh giá rủi ro và phát hiện gian lận;

- Kiến thức về tài chính và quản lý tài chính, bao gồm phân tích báo cáo tài chính, các công cụ tài chính, thị trường vốn trong nước và quốc tế, và quản lý các nguồn lực;

- Kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp và tổ chức phi lợi nhuận;

- Sử dụng các biện pháp đo lường hoạt động phi tài chính trong kinh doanh.

#### 2.1.2. Kiến thức về Tổ chức và Kinh doanh:

Cung cấp điều kiện mà trong đó kế toán chuyên nghiệp làm việc. Am hiểu tường tận về kinh doanh, chính phủ và các tổ chức phi lợi nhuận là điều cần thiết đối với kế toán chuyên nghiệp. Phần này bao gồm: các doanh nghiệp được tổ chức, cung ứng vốn và quản lý như thế nào, và môi trường toàn cầu trong đó doanh nghiệp hoạt động. Người học sẽ có được các kiến thức sau:

- Kiến thức về kinh tế vi mô và vĩ mô; Kiến thức về kinh doanh và phương thức hoạt động của thị trường tài chính;

- Áp dụng các phương pháp định lượng và thống kê cho các vấn đề trong kinh doanh;

- Hiểu biết về vai trò của kế toán chuyên nghiệp trong quản trị doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh;

- Am hiểu về các tổ chức và môi trường hoạt động như: kinh tế, pháp luật, chính trị, xã hội, công nghệ, văn hóa,... Sự hiểu biết về các vấn đề môi trường và phát triển bền vững;

- Sự hiểu biết về nhân viên và các vấn đề nguồn nhân lực, những người quản lý, quản lý dự án, và tiếp thị; Sự hiểu biết hỗ trợ ra quyết định và chiến lược, bao gồm tư vấn quản lý kinh doanh, chiến lược và quản lý chung; Sự hiểu biết về tổ chức và

hoạt động rủi ro;

- Kiến thức cơ bản về thương mại quốc tế, tài chính và cách thức kinh doanh quốc tế được tiến hành, cũng như quá trình toàn cầu hóa.

*2.1.3. Kiến thức về Công nghệ thông tin và năng lực:*

Tất cả các kế toán viên chuyên nghiệp được mong muốn rằng có thể tham gia quản lý, thiết kế, hoặc đánh giá hệ thống thông tin. Kế toán viên chuyên nghiệp cần:

- Ứng dụng các hệ thống và công cụ công nghệ thông tin và hoạt động kinh doanh và kế toán;

- Hiểu được các hệ thống kinh doanh và hệ thống kế toán;

- Ứng dụng kiểm soát các hệ thống quản lý nhân lực.

**2.2. Chuẩn đầu ra của trường Đại học Kinh tế quốc dân**

Theo Chuẩn đầu ra của trường đại học Kinh tế Quốc dân ban hành năm 2010, thì chuẩn đầu ra chuyên môn, tin học và ngoại ngữ áp dụng cho ngành Kế toán, Kiểm toán như sau:

*2.2.1. Kỹ năng ngoại ngữ:*

- Trình độ tiếng Anh: TOEIC đạt tối thiểu 450 (hoặc các bài thi quốc tế có qui đổi tương đương);

- Khả năng sử dụng bốn kỹ năng ngôn ngữ: (1) Đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng Tiếng Anh; soạn thảo được các văn bản thuộc chuyên ngành đào tạo (đọc, viết); (2) Có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong môi trường làm việc (nghe, nói).

*2.2.2. Kỹ năng tin học:*

- Thành thạo kiến thức tin học căn bản, kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng các phần mềm Microsoft Office;

- Kiến thức tin học phổ thông và các phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành đào tạo: (1) Sử dụng thành thạo, hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet; (2) Sử dụng thành thạo được các phần mềm chuyên dùng thuộc chuyên ngành đào tạo.

*2.2.3. Kiến thức chuyên môn:*

Kiến thức phục vụ các hoạt động nghiệp vụ trong

thực tế:

- Nắm vững và vận dụng vào thực tiễn kiến thức kế toán, phân tích kinh doanh, phân tích tài chính, kiểm toán;

- Có đủ kiến thức và biết thiết kế hệ thống thông tin kế toán cho các loại hình doanh nghiệp, các đơn vị hành chính – sự nghiệp;

- Có đủ kiến thức và biết thiết kế, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ trong các loại hình doanh nghiệp, các đơn vị hành chính – sự nghiệp;

- Có khả năng xác lập các chính sách, chế độ kế toán, kiểm toán nội bộ trong các loại hình doanh nghiệp, các đơn vị hành chính – sự nghiệp;

- Có đủ trình độ tổ chức một cuộc kiểm toán độc lập;

- Có đủ trình độ hành nghề kế toán, kiểm toán.

Khả năng hòa nhập và thích ứng môi trường nghề nghiệp:

- Khả năng hoà nhập và thích ứng cao với môi trường công tác, có khả năng tự cập nhật những qui định mới và kiến thức mới trong lĩnh vực công tác;

- Khả năng học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Khả năng tiếp tục học tập ở bậc đào tạo cao hơn.

Tóm lại, một sinh viên ngành kế toán, kiểm toán của trường Đại học KTQD sau khi tốt nghiệp có khả năng áp dụng được các kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán để lập và mô tả được các báo cáo tài chính kế toán trong các tổ chức kinh tế; phân tích được các vấn đề cơ bản trong quản trị tài chính doanh nghiệp. Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp còn có khả năng vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực kế toán – kiểm toán của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; phân tích, đánh giá được quy trình kế toán của một tổ chức kinh tế; có thể lập và phân tích được báo cáo tài chính; phân tích, đánh giá được một số qui trình kiểm toán nội bộ, kiểm toán tài chính; tham gia phân tích dự báo tài chính doanh nghiệp. Cuối cùng, cử nhân kế toán, kiểm toán còn có khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn đã được trang bị để phân tích, tổng hợp và giải quyết một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán và tài chính.

**3. Phương pháp nghiên cứu**



Với nội dung và mục tiêu cần đạt được trong nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp định tính kết hợp phương pháp định lượng với đối tượng nghiên cứu là các sinh viên ngành kế toán, kiểm toán của Viện Kế toán-Kiểm toán, trường Đại học KTQD đang đi thực tập hoặc đang làm việc đúng chuyên ngành đã học. Cụ thể các bước tiến hành nghiên cứu như sau:

- **Bước 1:** Nghiên cứu tổng quan lý thuyết về chuẩn đầu ra cho ngành đào tạo, trên cơ sở hệ thống các chuẩn mực quốc tế và chuẩn mực của trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

- **Bước 2:** Tiến hành khảo sát thực tế.

- **Bước 2.1.** Tiến hành phỏng vấn sâu một số sinh viên đã ra trường hoặc đang đi thực tập (tiến hành nghiên cứu định tính) để nhằm tìm ra các tiêu chí đánh giá khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành vào công việc thực tế của sinh viên ngành Kế toán – Kiểm toán. Ngoài ra, thông qua nghiên cứu này, nhóm cũng hy vọng sẽ tìm ra được các nhân tố tác động đến khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành vào công việc thực tế họ.

- **Bước 2.2.** Trên cơ sở kết quả thu được từ nghiên cứu định tính ở trên, nhóm xây dựng bảng hỏi và tiến hành điều tra thử nghiệm. Sau đó, nhóm xây dựng lại bảng hỏi và tiến hành điều tra trên diện rộng (nghiên cứu định lượng). Nhóm đã gửi bảng hỏi qua email cho các đối tượng nghiên cứu và thu lại kết quả qua trang web: [www.docs.google.com](http://www.docs.google.com).

- **Bước 3:** Số liệu thu được ở trên (bước 2.2) được

tập hợp lại và xử lý.

- **Bước 4:** Đưa ra đánh giá về thực trạng mức độ ứng dụng kiến thức vào thực tế của sinh viên Kế toán - Kiểm toán, trường Đại học KTQD và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học tại nhà trường, đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

#### 4. Kết quả và thảo luận

##### 4.1. Xây dựng tiêu chí đánh giá khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn vào công việc kế toán-kiểm toán

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp 5 cựu sinh viên chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán của trường Đại học KTQD (cựu sinh viên) hiện đang trực tiếp làm công việc kế toán, kiểm toán của các công ty trên địa bàn Hà Nội với kinh nghiệm từ 2 năm trở lên trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và 1 cựu sinh viên khác đang làm công tác quản lí. Sau khi có được kết quả từ phỏng vấn, cùng với các tiêu chí phản ánh chuẩn đầu ra quốc tế và của trường Đại học Kinh tế quốc dân, các tác giả đã xây dựng được một hệ thống các tiêu chí đánh giá khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn của sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán như trình bày tại bảng 1.

##### 4.2. Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn vào công việc kế toán- kiểm toán

Để có được kết quả điều tra tốt nhất, nhóm đã tiến hành xây dựng bảng hỏi và tiến hành điều tra thử nghiệm (pilot research) dựa trên các tiêu chí đánh giá đã xây dựng ở trên. Với kết quả thu được từ cuộc

**Bảng 1: Các tiêu chí đánh giá khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tế**

STT	Tiêu chí (TC)	Nội dung tiêu chí
1	TC1	Khả năng cập nhật với những thay đổi của Chế độ hiện hành, Chuẩn mực và Luật kế toán, kiểm toán.
2	TC2	Các sai sót khi ghi nhận nghiệp vụ kế toán.
3	TC3	Khả năng vận dụng Chế độ hiện hành, Chuẩn mực và Luật kế toán, kiểm toán.
4	TC4	Khả năng thực hiện các công việc của một kế toán tổng hợp.
5	TC5	Khả năng thực hiện công việc của một trợ lý kiểm toán.
6	TC6	Khả năng thực hiện công việc của kiểm toán viên.
7	TC7	Khả năng sử dụng phần mềm kế toán.
8	TC8	Khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành.

**Bảng 2: Mô tả mẫu nghiên cứu**

Lĩnh vực	Nhóm 1		Nhóm 2		Nhóm 3		Nhóm 4		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
<b>Kế toán</b>	21	33	20	31	15	23	8	13	<b>64</b>	<b>48</b>
<b>Kiểm toán</b>	22	32	20	29	22	32	5	7	<b>69</b>	<b>52</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>43</b>	<b>32</b>	<b>40</b>	<b>30</b>	<b>37</b>	<b>28</b>	<b>13</b>	<b>10</b>	<b>133</b>	<b>100</b>

điều tra này, nhóm nghiên cứu đã thiết kế lại bảng hỏi và tiến hành điều tra trên diện rộng. Đối tượng được hỏi là các sinh viên đang đi thực tập và các cựu sinh viên của Viện Kế toán – Kiểm toán, trường Đại học Kinh tế quốc dân hiện đang làm đúng chuyên môn đã học ở các vị trí như: Kế toán viên, Trợ lý kiểm toán, Kiểm toán viên,... Mẫu điều tra được chia thành các nhóm theo lĩnh vực đang làm việc là Kế toán và Kiểm toán; và theo số năm kinh nghiệm làm việc chuyên môn: thực tập sinh (nhóm 1), dưới 2 năm (nhóm 2), từ 2 đến 5 năm (nhóm 3) và trên 5 năm (nhóm 4).

Bảng 2 cho thấy, tổng số trả lời phiếu câu hỏi điều tra là 133, trong đó 48% trong số họ đang làm kế toán và 52% đang hành nghề kiểm toán; đối tượng là thực tập sinh chiếm tỷ trọng lớn nhất (chiếm

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra của tác giả) 32%), tiếp đến là nhóm có thâm niên công tác dưới 2 năm (chiếm 30%), và số người có thâm niên làm việc từ 2 đến 5 năm và trên 5 năm lần lượt là 28% và 10%. Như vậy, đa số người trả lời là những người mới ra trường trong vòng 5 năm trở lại đây, có lẽ do họ là nhóm thường xuyên tiếp xúc với internet hơn vì câu hỏi của chúng tôi được tạo trên trang web [www.dos.google.com](http://www.dos.google.com) và gửi đường link qua email đến đối tượng điều tra.

Để phân tích số liệu thu thập, nhóm đã giả định rằng: Các đối tượng có cùng năng lực và cùng môi trường làm việc; Các tiêu chí có mức ảnh hưởng như nhau; Các nội dung trong tiêu chí có mức ảnh hưởng như nhau; Mức độ vận dụng kiến thức được tính theo thang điểm như sau theo thứ tự từ cao nhất đến thấp nhất (Xem bảng 3).

**Bảng 3: Quy ước về cách đánh giá thông qua lựa chọn trong các câu hỏi**

Loại câu hỏi	Các lựa chọn (i)	Khả năng vận dụng kiến thức (điểm)
3 lựa chọn	1	10,0
	2	5,0
	3	0,0
4 lựa chọn	1	10,0
	2	6,7
	3	3,3
	4	0,0
5 lựa chọn	1	10,0
	2	7,5
	3	5,0
	4	2,5
	5	0,0

(Nguồn: Tác giả đề xuất)

**Phương pháp tính toán khả năng vận dụng kiến thức:**

$$\text{Khả năng vận dụng TB nội dung tiêu chí} = \sum(\text{Tỷ lệ chọn mức } i \times \text{Tỷ lệ vận dụng kiến thức } i)$$

$$\text{Khả năng vận dụng TB của tiêu chí} = \frac{\sum \text{Khả năng vận dụng trung bình nội dung tiêu chí}}{\text{Số lượng nội dung}}$$

$$\text{Khả năng vận dụng TB đối tượng} = \frac{\sum \text{Khả năng vận dụng trung bình mỗi tiêu chí}}{\text{Số tiêu chí}}$$

$$\text{Khả năng vận dụng TB nhóm quan sát} = \frac{\sum(\text{Số lượng đối tượng } j \times \text{Khả năng vận dụng TB đối tượng } j)}{\text{Số lượng mẫu}}$$

(Ghi chú: TB: Trung bình)

Riêng với nội dung 2 của TC1: “*Nguồn cập nhật các thông tư, chế độ hiện hành, chuẩn mực và luật mới*”, được phép chọn nhiều đáp án, nên nhóm quy ước rằng chọn 4 đáp án sẽ tương ứng là 10 điểm, chọn 3 đáp án tương ứng 7,5 điểm, 2 đáp án tương ứng 5 điểm và 1 đáp án ứng với 2,5 điểm. Có nghĩa là cập nhật thông tin từ càng nhiều nguồn thì chứng tỏ khả năng vận dụng chuyên môn càng cao.

**4.2. Đánh giá chung**

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ vận dụng kiến thức chuyên ngành học được từ trường Đại học của mỗi đối tượng nghiên cứu là khác nhau. Trong mẫu điều tra, sinh viên và cựu sinh viên của Viện Kế

toán - Kiểm toán trường ĐH KTQD vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn ở mức trung bình (5,2 điểm) và thâm niên làm việc khác nhau sẽ có mức độ vận dụng khác nhau. Nhóm đối tượng là thực tập sinh có khả năng vận dụng trung bình thấp nhất (2,6 điểm) nhưng có tỉ lệ tăng về khả năng khá là cao. Có lẽ đây là lần đầu tiên làm công việc theo đúng chuyên ngành mình học nên khả năng vận dụng tương đối thấp, khi làm việc thì phải có người hướng dẫn cụ thể và phải xem lại các kiến thức đã học thì mới có thể làm được công việc. Những cựu sinh viên đã có thâm niên dưới 2 năm có khả năng vận dụng kiến thức trung bình ở mức cao hơn, gấp

**Bảng 4: Khả năng vận dụng kiến thức phân theo tiêu chí và thâm niên công tác**

	TB mẫu	TB nhóm 1	TB nhóm 2	TB nhóm 3	TB nhóm 4
<b>TC1</b>	5.56	3.07	6.97	6.59	6.51
<b>TC2</b>	5.95	2.62	5.47	8.96	9.91
<b>TC3</b>	5.08	2.38	4.75	7.30	8.66
<b>TC4</b>	6.40	3.06	6.30	9.29	10.0
<b>TC5</b>	5.94	2.68	7.01	7.38	9.67
<b>TC6</b>	8.70	0.00	0.00	0.00	8.70
<b>TC7</b>	3.90	0.06	4.25	6.34	7.19
<b>TC8</b>	3.72	2.80	4.07	4.66	3.09

(Ghi chú: TB: giá trị trung bình)

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra của tác giả)

2 lần so với nhóm 1. Lý giải cho hiện tượng này là do những đối tượng này đã bắt đầu quen với công việc, tích lũy được kinh nghiệm trong quá trình làm việc cũng như học hỏi được từ những người xung quanh. Một lý do nữa là do họ được tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn cũng như các khóa học bổ trợ; và họ cũng bắt đầu đọc nhiều tài liệu chuyên ngành hơn trước. Vì vậy, những đối tượng này có thể hiểu rõ hơn các kiến thức đã được học. Nhóm đối tượng có thâm niên từ 2-5 năm có khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành khá cao, tăng 2 điểm so với nhóm 2. Nguyên nhân là do họ có kinh nghiệm hơn nên ít phụ thuộc vào người khác. Các cựu sinh viên thuộc nhóm này đã hiểu sâu hơn các kiến thức học ở trường và các kiến thức đã học làm nền cơ sở vững chắc để tiếp thu những cái mới. Còn nhóm có thâm niên từ 5 năm trở lên có khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn vào công việc là cao nhất, nhưng mức độ tăng so với nhóm liền trước là không cao (khoảng 0,8 điểm). Như vậy, khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn làm việc của sinh viên chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán tỷ lệ thuận với thâm niên làm việc.

#### 4.3. Đánh giá theo tiêu chí

Nhìn chung, mức độ phản ánh khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tế là khác nhau giữa các tiêu chí khác nhau. Đa số các TC (trừ TC1 và TC8) đều phản ánh mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa số năm công tác với khả năng vận dụng kiến thức, mặc dù tốc độ tăng ở từng tiêu chí là khác nhau. Khả năng vận dụng kiến thức tăng nhanh từ khi là thực tập sinh chuyển thành người có việc làm, và sau đó với tốc độ tăng giảm dần khi tích lũy thêm kinh nghiệm làm việc.

##### 4.3.1. Các tiêu chí đánh giá khả năng chuyên môn

Một điều khá thú vị mà nghiên cứu đã phát hiện ra đó là việc tiếp cận với những thay đổi của Chế độ hiện hành, Chuẩn mực và Luật kế toán, kiểm toán (TC1) của thực tập sinh tăng đột biến khi họ chính thức đi làm, gấp hơn 2 lần (từ 3 điểm lên gần 7 điểm). Tuy nhiên, sau đó tỷ lệ này giảm nhẹ theo thời gian công tác. Điều này chứng tỏ, sinh viên khi mới ra trường cập nhật chế độ kế toán, kiểm toán hiện hành nhiều hơn khi họ đang ngồi trên ghế nhà trường; phải chăng khi đi học họ đã được các thầy cô cung cấp khá đầy đủ nội dung chế độ thông qua

bài giảng nên sinh viên thường ỷ lại, không tự mình đi tìm các nguồn tài liệu để cập nhật chế độ. Có lẽ đây là kết quả của một thực trạng khá phổ biến ở rất nhiều trường đại học ở Việt Nam hiện nay: phương pháp giảng dạy chưa lấy người học làm trọng tâm như nhiều tác giả khác đã đề cập. Nghiên cứu cũng cho thấy các đối tượng nghiên cứu gần như là cập nhật liên tục hàng tháng các Chế độ, Chuẩn mực và Luật kế toán, kiểm toán mới ban hành; và nguồn cập nhật chủ yếu là từ internet.

Ngược lại với khả năng tiếp cận, khả năng sử dụng các Chuẩn mực, Luật và Chế độ kế toán, kiểm toán hiện hành vào các công việc cụ thể (TC3) lại có xu hướng tăng dần đều theo thời gian làm việc. Theo nghiên cứu thì khả năng vận dụng vào công việc thấp hơn so với sự hiểu biết về các Chuẩn mực, Luật và Chế độ hiện hành, TB mẫu là 4,9 điểm so với 5,2 điểm. Điều đặc biệt chú ý là, nhóm 1 có khả năng vận dụng cao hơn sự hiểu biết (2,9 điểm so với 1,9 điểm). Kết quả này khẳng định thêm rằng sinh viên đang học tập một cách thụ động, thầy cô bảo gì thì biết đấy, kiến thức thu được chủ yếu là từ bài giảng của các thầy cô.

Ngoài ra, vấn đề mắc sai sót là một trong những vấn đề tối kỵ trong công việc của một kế toán và kiểm toán viên, bởi vì các sai sót này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quyết định của người sử dụng thông tin do họ cung cấp. Mức độ mắc sai sót khi ghi nhận nghiệp vụ kinh tế (TC2) là ở mức “*tương đối trong kỳ kế toán*” (6,0 điểm) và chủ yếu là do nhầm lẫn chứ không phải là do hiểu sai nội dung. Thực tập sinh là nhóm hay mắc sai sót hơn cả, ở mức “*khá nhiều lần ghi nhận sai trong kỳ kế toán*” (2,6 điểm) - điều này là hoàn toàn đúng quy luật tự nhiên, và tình trạng này sẽ được cải thiện dần khi số năm làm việc của họ tăng lên.

Cuối cùng, khả năng chuyên môn còn được thể hiện ở khả năng thực hiện các công việc hàng ngày. Với những người làm kế toán có kinh nghiệm làm việc từ 2 năm trở lên thì khả năng thực hiện là rất cao (trên 9,2 điểm), tương ứng với mức độ “*làm được toàn bộ*”; tuy nhiên, nhóm dưới 2 năm kinh nghiệm thì khả năng này thấp hơn, nhất là nhóm thực tập sinh chỉ ở mức độ “*làm được rất ít kể cả khi có hướng dẫn cụ thể*”. Đặc biệt sinh viên thực tập gần như không tính được giá thành và lập các báo cáo kế toán, thống kê. Với những người hành nghề



kiểm toán, đa số đã và đang thực hiện công việc của trợ lý kiểm toán, chỉ có 7% trong số họ là thực hiện công việc của kiểm toán viên. Theo số liệu điều tra thì toàn bộ kiểm toán viên là những người có kinh nghiệm làm việc trên 5 năm và họ hoàn toàn có khả năng thực hiện được tất cả các công việc của một cuộc kiểm toán từ khâu lập kế hoạch; xây dựng chương trình; thu thập bằng chứng; ghi chép, phân tích, đánh giá, đưa ra kết luận; cho đến lập báo cáo kiểm toán. Ngược lại, các trợ lý kiểm toán là thực tập sinh chỉ có khả năng rất thấp trong việc thực hiện công việc, chỉ ở mức “hoàn thành rất ít công việc, cần nhiều sự hướng dẫn”, nhưng khả năng này tăng nhanh ngay sau khi họ ra làm việc. Điều này chứng tỏ rằng, những kinh nghiệm có được trong thời gian thực tập thật sự rất có ích cho các bạn sinh viên trong quá trình hành nghề sau này.

#### 4.3.2. Các tiêu chí đánh giá về khả năng tin học và ngoại ngữ

Trong xu hướng toàn cầu hóa như hiện nay, ngoài khả năng về chuyên môn thì khả năng tin học và ngoại ngữ cũng nằm trong các tiêu chí tuyển chọn lao động của các nhà tuyển dụng. Theo kết quả nghiên cứu thu được thì hai khả năng này lại nằm trong nhóm các khả năng kém nhất của sinh viên kế toán, kiểm toán của trường KTQD, chỉ đạt ở mức dưới trung bình (tin học có điểm TB là 3,9 và tiếng Anh có điểm TB là 3,7). Với khả năng tin học, nhóm đánh giá thông qua khả năng sử dụng phần mềm kế toán đối với người làm kế toán (TC7). Khả năng sử dụng thành thạo các chức năng cũng như vận hành phần mềm của các đối tượng nghiên cứu là lớn hơn khả năng thường xuyên *update* phần mềm. Thực tập sinh là nhóm có khả năng sử dụng phần mềm kém nhất (0,06 điểm), nhưng khả năng tăng rất nhanh sau gần 2 năm làm việc (4,25 điểm), và tăng ổn định theo thời gian làm việc. Đó là do phần mềm mà sinh viên được học trong nhà trường không giống như phần mềm tại công ty khi ra làm việc, bởi có rất nhiều phần mềm kế toán hiện nay. Chính vì vậy, họ cần có thời gian để tìm hiểu phần mềm mới.

Tương tự như vậy, khả năng sử dụng tiếng Anh để đọc tài liệu nước ngoài và làm công việc chuyên môn như ghi sổ kế toán và lập các báo cáo tài chính (TC8) của các sinh viên ngành kế toán, kiểm toán là rất thấp khi còn là thực tập sinh (2,8 điểm), và tăng nhanh sau 1-2 năm ra làm việc (4,1 điểm). Tuy vậy,

với nhóm có trên 5 năm làm việc thì khả năng này chỉ có 3,9 điểm. Điều này có thể được lý giải là những sinh viên đã tốt nghiệp trong vòng 5 năm trở lại đây có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt hơn hẳn so với thế hệ trước đó. Bên cạnh đó, đa số đối tượng điều tra sử dụng tiếng Anh trong việc đọc tài liệu nhiều hơn là để ghi sổ hay lập báo cáo.

### 5. Một số giải pháp khuyến nghị và kết luận

Theo nghiên cứu của chúng tôi, điểm yếu của sinh viên kế toán, kiểm toán trường Đại học KTQD hiện nay là khả năng sử dụng phần mềm kế toán và tiếng Anh. Tuy nhiên, các khả năng vận dụng kiến thức bao gồm cả kiến thức về chuyên môn của họ tăng nhanh theo thời gian làm việc. Để nâng cao năng lực cạnh tranh của sinh viên ngành kế toán, kiểm toán tốt nghiệp trường Đại học KTQD trên thị trường lao động, chúng tôi xin đề xuất một số khuyến nghị sau:

#### 5.1. Đối với trường Đại học KTQD và Viện Kế toán – Kiểm toán

**Thứ nhất**, một phòng kế toán ảo sẽ là một giải pháp hữu hiệu trong việc tạo cơ hội thực hành cho viên sinh, nhất là trong điều kiện hiện tại, khi mà sinh viên rất khó được tiếp cận với công việc khi đi thực tập.

**Thứ hai**, nhà trường nên tổ chức nhiều hơn các buổi giao lưu, nói chuyện, tiếp xúc giữa sinh viên với các chuyên gia đầu ngành về kế toán và kiểm toán (guest speaker), để sinh viên có cơ hội nắm bắt được tình hình thực tế. Bên cạnh đó, phối hợp với các doanh nghiệp nhằm tạo cơ hội thực tập thực sự, tích lũy thêm kinh nghiệm thực tế cho sinh viên ngay từ khi đang còn ngồi trên ghế nhà trường.

**Thứ ba**, cần xây dựng một hệ thống các bài tập tình huống được lấy từ thực tế (case study) cho các môn học chuyên ngành. Có như vậy sinh viên mới không ngỡ ngàng khi ra thực tế làm việc.

**Thứ tư**, cần xây dựng chương trình dạy tin học chuyên ngành (phần mềm kế toán) sao cho sinh viên có khả năng nắm bắt được những kiến thức cơ bản của một phần mềm kế toán là gì và cách thức nào để tiếp cận chúng một cách dễ nhất, tránh tình trạng sinh viên chỉ biết sử dụng một phần hành cụ thể.

**Thứ năm**, cần xây dựng riêng chương trình tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên kế toán, kiểm toán

bên cạnh chương trình tiếng Anh thông dụng. Từ đó mới nâng cao được khả năng tiếp cận được các nguồn tài liệu quốc tế và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế của sinh viên trong tương lai.

**Cuối cùng**, cần thay đổi phương pháp dạy học theo hướng lấy sinh viên làm trọng tâm, từ đó mới nâng cao được ý thức tự học của sinh viên, giúp họ có khả năng độc lập hơn khi ra làm việc.

### **5.2. Đối với các doanh nghiệp**

Chất lượng nguồn nhân lực có ảnh hưởng rất lớn sự phát triển của các đơn vị sử dụng lao động. Vì vậy, các doanh nghiệp nên chung tay cùng với các trường đại học trong vấn đề đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Muốn như vậy thì các doanh nghiệp nên tạo điều kiện cho sinh viên kiến tập, thực tập có cơ hội tiếp xúc với công việc thực tế tại doanh nghiệp thực tập, có như vậy họ mới có khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, học đi đôi với hành.

### **5.3. Đối với sinh viên**

Chất lượng đào tạo chỉ thực sự có được khi có sự tham gia nhiệt tình từ phía người học. Do vậy, bản thân các bạn sinh viên phải ý thức và thực hiện tốt phương châm tự học hỏi, tìm tòi để nâng cao kiến thức, không quá ỷ lại vào các thầy cô. Bên cạnh đó, ngoài việc học để nâng cao kiến thức chuyên môn thì sinh viên kế toán, kiểm toán trường Đại học KTQD cần phải nâng cao khả năng ngoại ngữ và tin học chuyên ngành hơn nữa, từ đó mới có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường lao động, nhất là trong thời kỳ kinh tế khó khăn như hiện nay, khi mà tỷ lệ thất nghiệp là tương đối cao.

Tóm lại, khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn của sinh viên chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán, trường Đại học KTQD có mối quan hệ tỷ lệ thuận với thâm niên làm việc trong

lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Trong các khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành thì khả năng vận dụng tin học và ngoại ngữ chuyên ngành là thấp nhất, đây cũng là một trong những điểm hạn chế làm giảm khả năng cạnh tranh của sinh viên trên thị trường lao động, nhất là trong điều kiện hội nhập quốc tế. Do vậy, để nâng cao năng lực cạnh tranh, rất cần sự nỗ lực, hợp tác từ cả hai phía là cơ sở đào tạo và người học cùng với sự hỗ trợ tích cực từ các cơ sở sử dụng lao động.

Trong nghiên cứu này, đối tượng nghiên cứu chỉ là sinh viên chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán thuộc trường Đại học KTQD, đây là một trong những hạn chế của nghiên cứu. Bên cạnh đó, vì thời gian điều tra ngắn (trong vòng 2 tuần) và phiếu điều tra được gửi qua email nên số lượng người trả lời chưa nhiều, dẫn đến quy mô mẫu không lớn nên tính đại diện chưa cao. Ngoài ra, nghiên cứu cũng chưa thực sự tìm hiểu được cặn kẽ các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành của sinh viên vào công việc thực tế.

Chúng tôi rất hy vọng những nghiên cứu trong tương lai sẽ khắc phục được những hạn chế này. Các nghiên cứu tiếp theo có thể tiến hành điều tra trên diện rộng hơn, có thể là sinh viên chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán học tại tất cả các trường đại học ở Việt Nam và phiếu hỏi được chuyển đến người hỏi theo nhiều cách khác nữa như: phát phiếu trực tiếp, gửi qua bưu điện,... Thêm vào đó, đối tượng điều tra không chỉ là sinh viên bậc đại học mà có thể là cả sinh viên bậc sau đại học, không chỉ là sinh viên chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán mà có thể áp dụng nghiên cứu này cho các sinh viên chuyên ngành khác. □

### **Tài liệu tham khảo:**

Công thông tin điện tử, Bộ Tài chính (2011). *Đổi mới công tác đào tạo kế toán, kiểm toán ở bậc đại học tại Việt Nam*, truy cập ngày 11 tháng 3 năm 2013, từ [http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof\\_vn/1371593/tct?p\\_page\\_id=2303384&item\\_id=38192136&p\\_details=1](http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1371593/tct?p_page_id=2303384&item_id=38192136&p_details=1)

Đại học KTQD (2010), “Chuẩn đầu ra 2010 (QLDT) - Kinh tế quốc dân”, truy cập ngày 7 tháng 3 năm 2013, từ [<www.neu.edu.vn/images/.../Chuan%20dau%20ra%202010%20\(QLDT\)>](http://www.neu.edu.vn/images/.../Chuan%20dau%20ra%202010%20(QLDT))

Nguyễn Hiếu, 2011. *Cập bách nâng cao chất lượng đào tạo kế toán-kiểm toán*, truy cập ngày 18 tháng 3 năm 2013,

- từ <<http://www.baomoi.com/Cap-bach-nang-cao-chat-luong-dao-tao-ke-toankiem-toan/108/7300532.epi>>
- Phạm Thị Huyền (2009), *Giáo dục đại học ở Việt Nam: Nhìn từ thị trường lao động*, truy cập ngày 18 tháng 3 năm 2013, từ <<http://tailieu.vn/xem-tai-lieu/giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam-nhin-tu-thi-truong-lao-dong.24278.html>>
- IFAC (2010), *Framework for international education standards for professional accountants*, truy cập ngày 6 tháng 3 năm 2013, từ <<http://www.ifac.org/>>
- IFAC (2010), *IES 2: Content of professional accounting education program*, truy cập ngày 6 tháng 3 năm 2013, từ <<http://www.ifac.org/>>
- Phan Trung Kiên (2011), “Giảng dạy kế toán-kiểm toán trong các trường đại học Việt Nam: Thực trạng và việc lựa chọn mô hình giảng dạy thích hợp”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đổi mới đào tạo kế toán-kiểm toán trong các trường đại học khối kinh tế ở Việt Nam*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, tr. 165-173.
- Nguyễn Thị Hương Liên (2011), “Nâng cao chất lượng đào tạo kế toán – kiểm toán bậc đại học ở Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đổi mới đào tạo kế toán-kiểm toán trong các trường đại học khối kinh tế ở Việt Nam*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, tr. 79-85.

### **Assessing the ability to apply specialized knowledge to practical work of Accounting and Auditing students in the National Economics University**

*Abstract:*

*According to recent studies, in order to integrate into the international environment, Vietnam needs a number of professional accountants and auditors with a high quality, excellent English ability, good IT and other soft skills. Therefore, to contribute to improving the quality of accounting and auditing human resource in general, and the graduated students of School of Accounting and Auditing at National Economics University in particular, we have conducted the survey to assess ability to apply specialized knowledge in the practice of accounting and auditing graduates of the school. With the combination of qualitative and quantitative methods, the paper has built a system of evaluation criteria; exploited some good points as well as the limited points of the graduates; and found out the relationship between the ability to apply knowledge into practice with the long working time of the graduates. Finally, the paper suggest some recommendations to improve the competitiveness of the students in both the domestic and international labor markets.*

---

#### **Thông tin đại diện nhóm tác giả:**

**\*Đặng Thị Thúy Hằng, Thạc sĩ**

- Nơi công tác: Viện Kế toán-Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kế toán

- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Kiểm toán

email: [hangdthuy@yahoo.com](mailto:hangdthuy@yahoo.com)